

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HS-ST.
Ngày 03-10-2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hải.

Ông Đặng Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/HSST-QĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 đối với:

1. *Bị cáo:* Lê Ph T, tên gọi khác: không có, sinh năm 1995, nơi sinh: Long An, nơi cư trú: ấp X, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm Tê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới T: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không, tiền án: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22 tháng 01 năm 2019 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị cáo:* Nguyễn Thị T N, tên gọi khác: không có, sinh năm 1993, nơi sinh: Tiền Giang, nơi cư trú: ấp L, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới T: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T H; bị cáo chưa có chồng, bị cáo mới sinh con ngày 25 tháng 8 năm 2019; tiền sự: không, tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18 tháng 3 năm 2019 đến ngày 10 tháng 7 năm 2019, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. *Bị cáo:* Trần Văn T, tên gọi khác: không có, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1996, nơi sinh: Long An, nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm Tê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới T: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th (đã chết) và bà Mai Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không, tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18 tháng 3 năm 2019 đến ngày 13 tháng 5 năm 2019, bị cáo vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 5 năm 2019 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. *Bị cáo:* Nguyễn Hữu Đ, tên gọi khác: không có, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1998, nơi sinh: Long An, nơi cư trú: ấp 1, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm Tê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới T: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn C và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không, tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18 tháng 3 năm 2019 đến ngày 10 tháng 7 năm 2019, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Bà Trương Kim L, sinh năm 1963, địa chỉ: ấp X, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.(có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Châu Thành L, sinh năm 1979, địa chỉ: ấp B, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.(vắng mặt)

2. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1999, địa chỉ: ấp X, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971, địa chỉ: số nhà 874/4, ấp B, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

4. Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1952, địa chỉ: số nhà 218/8, ấp T, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

5. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1970, địa chỉ: số nhà 212/4, ấp X, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

6. Ông Lê Văn T, sinh năm 1972, địa chỉ: ấp X, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

7. Bà Mai Thị T, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

8. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977, địa chỉ: ấp 1, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

9. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1989, địa chỉ: số nhà 68B, đường G, trị trấn Tâm Vu, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1969, địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19 tháng 01 năm 2019, trong lúc đang uống rượu tại nhà ông Lê Văn Th tại ấp X, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, bị cáo Lê Ph T đi vệ sinh và nhìn thấy nhà bà Trương Kim L (phía sau nhà ông Th) đóng cửa, nên bị cáo Ph T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo Ph T đi bộ sang nhà bà L, đến cửa sau mở chốt khóa cửa để đi vào nhà sau, bị cáo Ph T bẻ lá xếp của cửa gỗ ngăn cách giữa nhà sau và nhà trên, mở chốt khóa cửa để vào nhà trên. Khi vào được nhà trên, bị cáo lục tủ, buồng ngủ tìm tài sản để chiếm đoạt nhưng không tìm được tài sản. Bị cáo Ph T gọi điện thoại cho bị cáo Nguyễn Thị T N nói với bị cáo N là bị cáo Ph T đang vào nhà phía sau nhà ông Th, nhà có cửa màu xanh để trộm tài sản, bị cáo T kêu bị cáo N nói với các bị cáo T và Đ canh chừng, có người đến thì gọi điện thoại cho bị cáo Ph T. Các bị cáo N và Đ đến gốc cây xoài để canh chừng cho bị cáo Ph T lục tìm tài sản. Sau đó, bị cáo N kêu bị cáo T đến chỗ bị cáo Đ để phụ canh chừng. Bị cáo Ph T gọi điện thoại cho bị cáo Đ bảo bị cáo T vào nhà bà L, bị cáo Ph T cùng với bị cáo T tiếp tục lục tìm tài sản. Bị cáo T lấy được 01 điện thoại di động hiệu Hphone màu đen vàng, 01 điện thoại di động loại nắp trượt màu hồng để trên tủ lạnh. Bị cáo Ph T lấy được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 để trên đi vắng. Bị cáo Ph T kêu bị cáo T tìm kiếm tài sản trong tủ, nhưng bị cáo T không tìm thấy. Bị cáo Ph T tiếp tục đi vào buồng lục soát lại thì bị cáo Ph T nhìn thấy phía dưới sào đồ có cái giỏ màu xanh, bên trong có cái bóp màu sọc trắng, bị cáo Ph T mở bóp ra lấy được số tiền là 1.240.000 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Bị cáo Ph T nhìn thấy phía dưới giỏ có tấm gạch nhô lên cao hơn so với những tấm còn lại, bị cáo Ph T dùng tay lấy tấm gạch lên, bên dưới có hủ nhựa, bên trong hủ nhựa có hộp màu cam chứa vàng, bị cáo Ph T lấy được 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24K, 01 nhẫn trơn 01 chỉ vàng 24K, 01 lắc đeo tay có hạt cẩm thạch 3,5 chỉ vàng 18K, 01 nhẫn có hạt màu xanh 1,1 chỉ vàng 18K, 01 nhẫn kiểu có hạt màu tím 01 chỉ vàng 18K, 01 dây chuyền 1,5 chỉ vàng 18K, 01 nhẫn có hạt màu tím 0,95 chỉ vàng 18K, 01 đôi bông tai kiểu 01 chỉ vàng 24K, 01 nhẫn kiểu bông mai 02 chỉ vàng 24K, 01 lắc đeo tay 05 chỉ vàng 24K. Bị cáo Ph T kêu bị cáo T vào tiếp tục đào cát để tìm tài sản, do tay bị cáo T bị đau nên không tiếp tục đào tìm tài sản, bị cáo T ra ngoài, nhìn thấy trên đi vắng có một túi bằng nhựa, bên trong có 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, bị cáo T lấy tất cả giấy tờ trên. Sau đó, các bị cáo Ph T và T ra ngoài bằng đường cũ, bị cáo Ph T chở bị cáo N và bị cáo T chở bị cáo Đ ra về. Trên đường về nhà, bị cáo Ph T nói cho bị cáo N biết là bị cáo Ph T đã trộm được tiền, vàng và đưa cho bị cáo N cất giữ. Sau đó, các bị cáo cùng đến nhà anh Châu Thành L thuộc ấp B, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, tại đây bị cáo T đưa cho bị cáo Ph T giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo Ph T đưa cho bị cáo T giữ

01 điện thoại di động Iphone 4 và các tài sản do bị cáo T lấy trước đó, bị cáo Ph T đưa cho anh L 01 điện thoại di động nắp trượt màu hồng, không rõ nhãn hiệu.

Ngày 20 tháng 01 năm 2019, bị cáo N đến tiệm vàng Kim Trí thuộc ấp B, xã M bán 01 nhẫn trơn 01 chỉ vàng 24K được 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo Ph T chở bị cáo N đến tiệm vàng Mười Đ thuộc ấp T, xã L bán 01 lắc, 01 nhẫn được 7.300.000 đồng (bảy triệu ba trăm nghìn đồng). Bị cáo Ph T nhờ anh Phạm Văn P bán tại tiệm vàng Mười Đ 01 nhẫn 01 chỉ vàng 18K được số tiền là 960.000 đồng (chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Bị cáo Ph T và bị cáo N bán tại tiệm vàng không nhớ tên, địa chỉ, thuộc xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang 01 dây chuyền 1,5 chỉ vàng 18K được số tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền bán tài sản là 14.260.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng), các bị cáo Ph T và N sử dụng số tiền trên vào việc tiêu xài cá nhân và ăn uống cùng với các bị cáo T và Đ.

Vật chứng trong vụ án:

- Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành thu giữ từ bị cáo N 01 nhẫn có hột màu tím 0,95 chỉ vàng 18K, 01 đôi bông tai kiểu 01 chỉ vàng 24K, 01 nhẫn kiểu bông mai 02 chỉ vàng 24K, 01 lắc đeo tay 05 chỉ vàng 24K, số tiền 4.590.000 đồng (bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng), 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh đen có sim số 0354190124 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo.

- Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành thu giữ từ bị cáo Ph T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1, 01 điện thoại di động Iphone 4, 01 sổ hộ khẩu gia đình số 02100572, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Minh H.

- Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành thu giữ từ bị cáo Đ 01 xe mô tô loại Wave màu đỏ biển số 62K1-119.13, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen xanh có sim số 0819651339.

- Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành thu giữ từ bị cáo T 01 xe mô tô biển số 62K1-282.27, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu cam đen có sim số 0365315931.

- Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành thu giữ tại hiện trường vụ án 01 mảnh gỗ có kích thước 10cm x 32cm, 01 vỏ hộp nhựa màu cam, 01 túi nhựa sọc xanh trắng, 01 con dao bằng kim loại dài 31cm, 01 đôi dép nhựa màu xanh đen hiệu VK, 01 đôi dép màu đen có chữ “dép tao mới mua cảm lầy”.

Tài sản tạm giữ: Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành thu giữ số tiền bồi thường thiệt hại từ ông Lê Văn T (cha bị cáo Ph T) số tiền là 18.570.000 đồng (mười tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng), thu giữ từ bà Mai Thị T (mẹ bị cáo T) số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), thu giữ của bà Nguyễn Thị H (mẹ bị cáo Đ) số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành đã xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ:

- Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành trả lại cho bà Trương Kim L 01 nhẫn có hột màu tím có trọng lượng là 0,95 chỉ vàng 18K, 01 đôi bông tai kiểu có trọng lượng là 01 chỉ vàng 24K, 01 nhẫn kiểu bông mai có trọng lượng là 02 chỉ vàng 24K, 01 lắc đeo tay có trọng lượng là 05 chỉ vàng 24K, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1, 01 điện thoại di động Iphone 4, 01 sổ hộ khẩu gia đình số 02100572, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Minh Hoàng, 01 mảnh gỗ có kích thước 10cm x 32cm, 01 vỏ hộp nhựa màu cam, 01 túi nhựa sọc xanh trắng, 01 con dao bằng kim loại dài 31cm và số tiền 33.090.000 đồng (ba mươi ba triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

- Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo.

- Trả cho ông Lê Văn Th 01 đôi dép nhựa màu xanh đen hiệu VK.

- Trả lại cho bị cáo T 01 đôi dép màu đen có chữ “dép tao mới mua cấm lấy”.

- Trả lại cho ông Lê Văn T số tiền là 70.000 đồng (bảy mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 xe mô tô loại Wave màu đỏ biển số 62K1-119.13 (xe do bà Nguyễn Thị Bích H đứng tên, bán cho bà H nhưng chưa sang tên).

- Trả cho công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Châu Thành 01 xe mô tô biển số 62K1-282.27 (xe do bị cáo T bán cho công ty nhưng chưa sang tên, công ty cho bị cáo Ph T thuê lại).

Vật chứng còn đang tạm giữ: 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh đen có sim số 0354190124 của bị cáo N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu cam đen có sim số 0365315931 của bị cáo Ph T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen xanh có sim số 0819651339 của bị cáo Đ, là các phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐG ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An kết luận:

Tài sản các bị cáo đã bán: 01 dây chuyền có trọng lượng là 03 chỉ vàng 24K có giá trị là 11.100.000 đồng (3.700.000 đồng/chỉ vàng 24K); 01 nhẫn có trọng lượng là 01 chỉ vàng 24K có giá trị là 3.700.000 đồng; 01 lắc đeo tay có hột cẩm thạch có trọng lượng là 3,5 chỉ vàng 18K có giá trị là 8.400.000 đồng (2.400.000 đồng/chỉ vàng 18K); 01 nhẫn vuông hột xanh có trọng lượng là 1,1 chỉ vàng 18K có giá trị là 2.640.000 đồng; 01 nhẫn kiểu có hột màu tím có trọng lượng là 01 chỉ vàng 18K có giá trị là 2.400.000 đồng; 01 dây chuyền có trọng lượng là 1,5 chỉ vàng 18K có giá trị là 3.600.000 đồng; 01 điện thoại di động nắp trượt màu hồng không rõ nhãn hiệu có giá trị là 10.000 đồng.

Tài sản T giữ từ các bị cáo: 01 nhẫn có hột màu tím có trọng lượng là 0,95 chỉ vàng 18K có giá trị là 2.280.000 đồng (2.400.000 đồng/chỉ), 01 đôi bông tai kiểu có trọng lượng là 01 chỉ vàng 24K có giá trị là 3.700.000 đồng, 01 nhẫn kiểu bông

mai có trọng lượng là 02 chỉ vàng 24K có giá trị là 7.400.000 đồng, 01 lắc đeo tay có trọng lượng là 05 chỉ vàng 24K có giá trị là 18.500.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia màu đen loại X1 có giá trị là 50.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone màu đen vàng có giá trị là 20.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 63.800.000 đồng (sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSCT ngày 08 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Lê Ph T, Trần Văn T, Nguyễn Thị T N và Nguyễn Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Ph T, Trần Văn T, Nguyễn Thị T N và Nguyễn Hữu Đ đã thành khẩn khai báo, thừa nhận vào ngày 19 tháng 01 năm 2019, các bị cáo Lê Ph T, Trần Văn T lén lút vào nhà bà Trương Kim L, các bị cáo Nguyễn Thị T N và Nguyễn Hữu Đ canh gác để các bị cáo Lê Ph T, Trần Văn T chiếm đoạt tài sản của bà Trương Kim L như cáo trạng đã nêu.

Bà Trương Kim L đã nhận lại tài sản, đã thỏa Tận bồi thường xong thiệt hại, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nào khác, yêu cầu Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo Lê Ph T, Trần Văn T, Nguyễn Thị T N và Nguyễn Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị T N, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Văn T:

Xử phạt bị cáo Lê Ph T với mức án từ 02 năm đến 03 năm tù.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T, với mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T N với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ với mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm.

Các bị cáo không tranh luận với lời luận tội và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị.

Người bị hại không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Ph T, Trần Văn T, Nguyễn Thị T N và Nguyễn Hữu Đ phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 19 tháng 01 năm 2019, các bị cáo Lê Ph T, Trần Văn T lén lút vào nhà bà Trương Kim L, các bị cáo Nguyễn Thị T N và Nguyễn Hữu Đ canh gác để các bị cáo Lê Ph T, Trần Văn T chiếm đoạt tài sản của bà Trương Kim L có tổng giá trị là 63.800.000 đồng (sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng), với mục đích là bán lấy tiền dùng vào việc tiêu xài cá nhân, là các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An truy tố các bị cáo Lê Ph T, Trần Văn T, Nguyễn Thị T N và Nguyễn Hữu Đ với tội danh, điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt nghiêm minh đối với các bị cáo nhằm răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại; các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên không xem là phạm tội có tổ chức; bị cáo Lê Ph T là người có vai trò chính trong việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo có nhân thân không tốt; bị cáo Trần Văn T có cậu ruột được tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba; bị cáo Nguyễn Thị T N phạm tội khi đang mang thai (bị cáo N sinh con ngày 25/8/2019) nên khi quyết định hình phạt căn cứ Điều 50 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định khung hình phạt phải áp dụng; các điểm b và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Thị T N cần áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Trần Văn T cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để tuyên cho các bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm

tội của các bị cáo và cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ chỉ tham gia với vai trò canh gác, bị cáo có địa chỉ cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly khỏi xã hội, mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và khoản tiền bồi thường, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Vật chứng trong vụ án Cơ quan Điều tra đã trả vật chứng cho chủ sở hữu, không có ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng còn đang tạm giữ: 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh đen có sim số 0354190124 của bị cáo N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu cam đen có sim số 0365315931 của bị cáo T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen xanh có sim số 0819651339 của bị cáo Đ, là các phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An về trách nhiệm hình sự là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của các bị cáo nên chấp nhận. Đối với bị cáo N, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo tham gia tích cực trong việc thực hiện tội phạm, bị cáo cất giữ và nhiều lần đi bán tài sản chiếm đoạt được, nên không cho bị cáo hưởng án treo.

[8] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và các Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố các bị cáo Lê Ph T, Trần Văn T, Nguyễn Thị T N và Nguyễn Hữu Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, các điểm b và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Ph T 03 (ba) năm tù, thời gian tù được T từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 22 tháng 01 năm 2019. Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Ph T với thời hạn là 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được T từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 13 tháng 5 năm 2019. Căn cứ vào

Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn T với thời hạn là 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

3. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, các điểm b, n và s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được T từ ngày bị cáo thi hành án.

4. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, các điểm b và s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng T từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Hữu Đ cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Hữu Đ trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch tịch sung quỹ nhà nước các phương tiện dùng vào việc phạm tội, gồm: 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh đen có sim số 0354190124 của bị cáo Nguyễn Thị T N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu cam đen có sim số 0365315931 của bị cáo Lê Ph T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen xanh có sim số 0819651339 của bị cáo Nguyễn Hữu Đ.

6. Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Lê Ph T, Trần Văn T, Nguyễn Thị T N và Nguyễn Hữu Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

7. Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

8. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- UBND xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- UBND xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- UBND xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- UBND A, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng